

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN  
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KON TUM**

( Kèm theo Công văn số: /STC-VP ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ TTTC	MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	CẤP THỰC HIỆN	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý công sản</b>				
1	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	2.002173.000.00.00. H34	Toàn trình	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
2	Xác định tiền sử dụng đất phải nộp khi người được mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện bán, chuyển nhượng	1.005414.000.00.00. H34	Toàn trình	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
3	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	1.006221.000.00.00. H34	Toàn trình	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)

4	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	1.006222.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
5	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	1.006218.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
6	Thanh toán phân giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	1.006220.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
7	Chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	1.006219.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
8	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao	3.000021.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)

9	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế	3.000019.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
10	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao	3.000022.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
11	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	3.000020.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
12	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động	1.005413.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
13	Giao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	1.011769.H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)

14	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	3.000256.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
15	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	3.000257.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý giá</b>					
16	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.012744.H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
17	Hiệp thương giá	1.012735.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp</b>					

18	Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	1.007623.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
19	Cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương	1.010060.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
20	Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	3.000214.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Tài chính ngân hàng</b>					

21	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phụ vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	3.000161.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Thuế</b>					
22	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	3.000251.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
23	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	3.000252.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
24	Thủ tục đề nghị cấp/ cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	3.000253.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024

25	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	3.000254.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
26	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	3.000255.H34		Một phần	Cấp Tỉnh	Thực hiện từ tháng 11/2024
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Tin học - Thống kê</b>					
27	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	2.002206.000.00.00. H34	Toàn trình		Cấp Tỉnh	Thực hiện từ 01/11/2023 (Quyết định số 539/QĐ-UBND)

**Tổng cộng: 27 TTHC cấp tỉnh cung cấp DVC trực tuyến**

\